

2020



BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ 12 THÁNG - NĂM 2020

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI – BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THI TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

MỤC LỤC

1. Tăng trưởng GDP.....	3
2. Lạm phát, CPI.....	5
3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.....	6
4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.....	9
5. Sản xuất công nghiệp.....	10
6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.....	12
7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	13
8. Đầu tư.....	15
9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.....	16
10. Vận tải hành khách và hàng hóa.....	17
11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.....	17

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Năm 2020, dù suy giảm mạnh về tăng trưởng và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, song Việt Nam nằm trong số hiếm hoi các nước vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương 2,91% (quý 1 tăng 3,68%; quý 2 tăng 0,39%; quý 3 tăng 2,69%; quý 4 tăng 4,48%); là mức tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Quy mô GDP tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015 (theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế, năm 2020 Việt Nam có thể trở thành nền kinh tế đứng thứ 4 ASEAN); GDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt khoảng 2.750 USD.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát trong mục tiêu. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% và cả giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 3,2%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 (7,65%). Lạm phát cơ bản giảm và duy trì ổn định, chỉ tăng 2,31% năm 2020 và bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 1,8%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 là 6,31%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá tăng 3,6 lần, từ 157,1 tỉ USD năm 2010 lên 517 tỉ USD năm 2019, năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đạt khoảng 527 tỉ USD, tương đương trên 190% GDP. Xuất khẩu tăng nhanh, từ 72,2 tỉ USD năm 2010 lên khoảng 267 tỉ USD năm 2020, tăng bình quân khoảng 14%/năm, vì thế, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư ở mức kỷ lục 19,1 tỷ USD....

Tỷ giá cơ bản ổn định, lãi suất giảm. Nhờ sự điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động của NHNN, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, sẵn sàng can thiệp để bình ổn thị trường, tỷ giá giao dịch duy trì xu hướng ổn định, giảm nhẹ 0,21% so với đầu năm, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô.

Hội nhập quốc tế và đối ngoại đạt được nhiều kết quả quan trọng. Quá trình hội nhập tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trong năm 2020 với việc Việt Nam đẩy mạnh triển khai Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ tháng 1/2019), Hiệp định EVFTA (hiệu lực từ 1/8/2020), Hiệp định RCEP đã được ký kết ngày 15/11, dự kiến sẽ có hiệu lực trong vòng 18 tháng và mới nhất là Hiệp định UKVFTA có hiệu lực từ đầu năm 2021.

Thị trường chứng khoán phục hồi nhanh từ đáy cuối tháng 3/2020. Đến hết ngày 31/12, VNIndex đạt 1.103,87 điểm, tăng 70% kể từ đáy tháng 3 và tăng 14,86% so với đầu năm (tương đương với mức tăng của các thị trường trong khu vực). Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5,1 triệu tỷ đồng (tương đương 80% GDP), tăng 14% so với năm 2019. Đặc biệt, thanh khoản thị trường bùng nổ, đạt mức bình quân trên 14.000 tỉ đồng/phiên trên sàn chứng khoán TP.HCM....

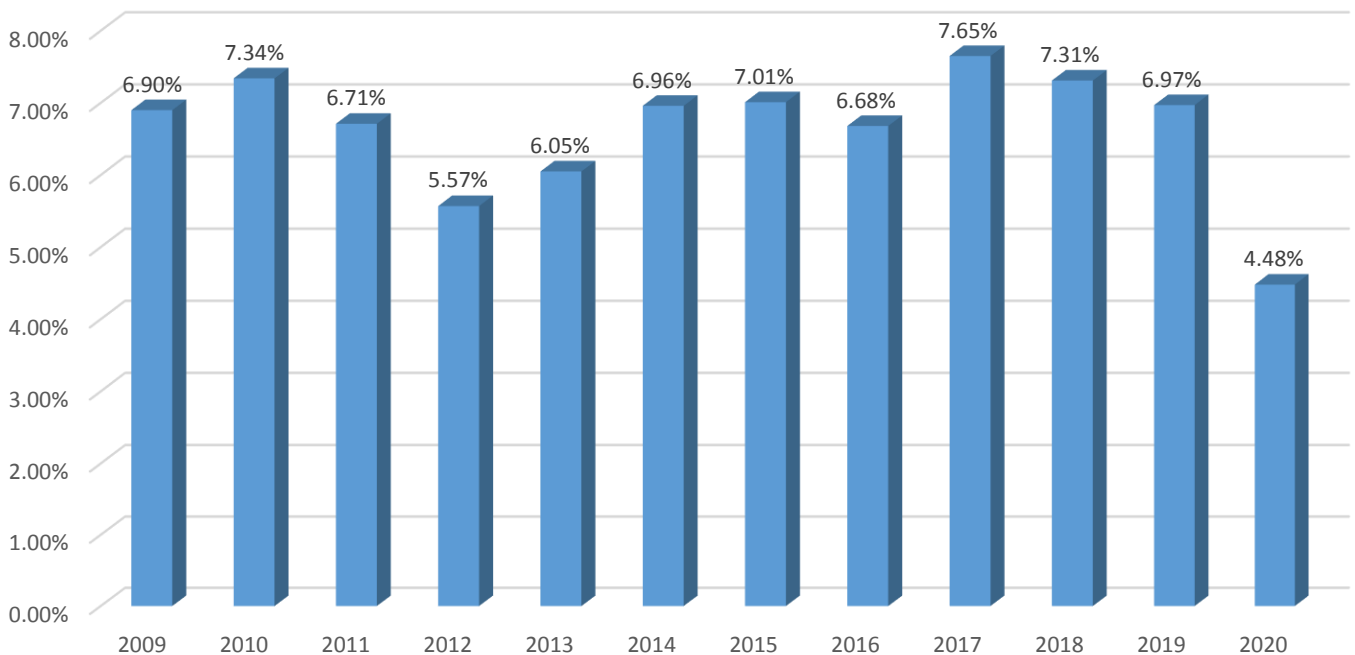
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 12 THÁNG - NĂM 2020

Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 12 tháng đầu năm 2020

1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. Dịch Covid-19 được kiểm soát chặt chẽ, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã tạo động lực cho nền kinh tế nên GDP quý IV/2020 tăng trưởng khởi sắc so với quý III/2020, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%; khu vực dịch vụ tăng 4,29%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07%. Về sử dụng GDP quý IV/2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,48% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 5,29%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,25%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,83%.

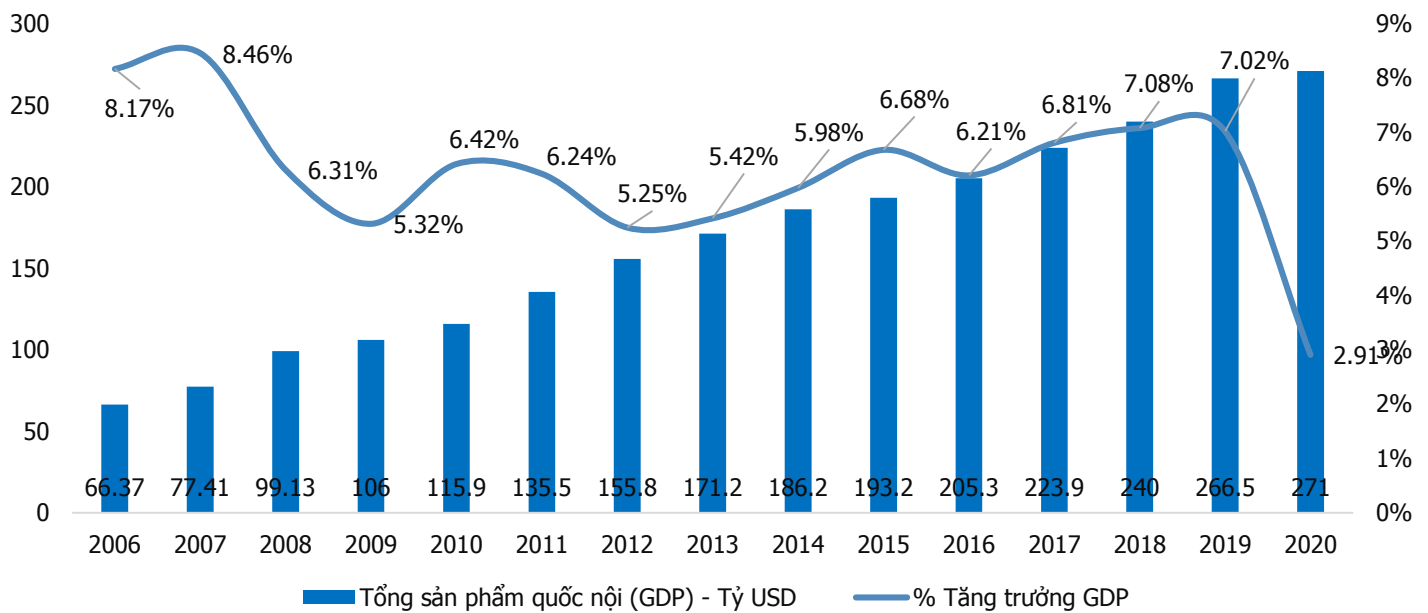
% Tăng trưởng GDP - Q4 giai đoạn 2009-2020



GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

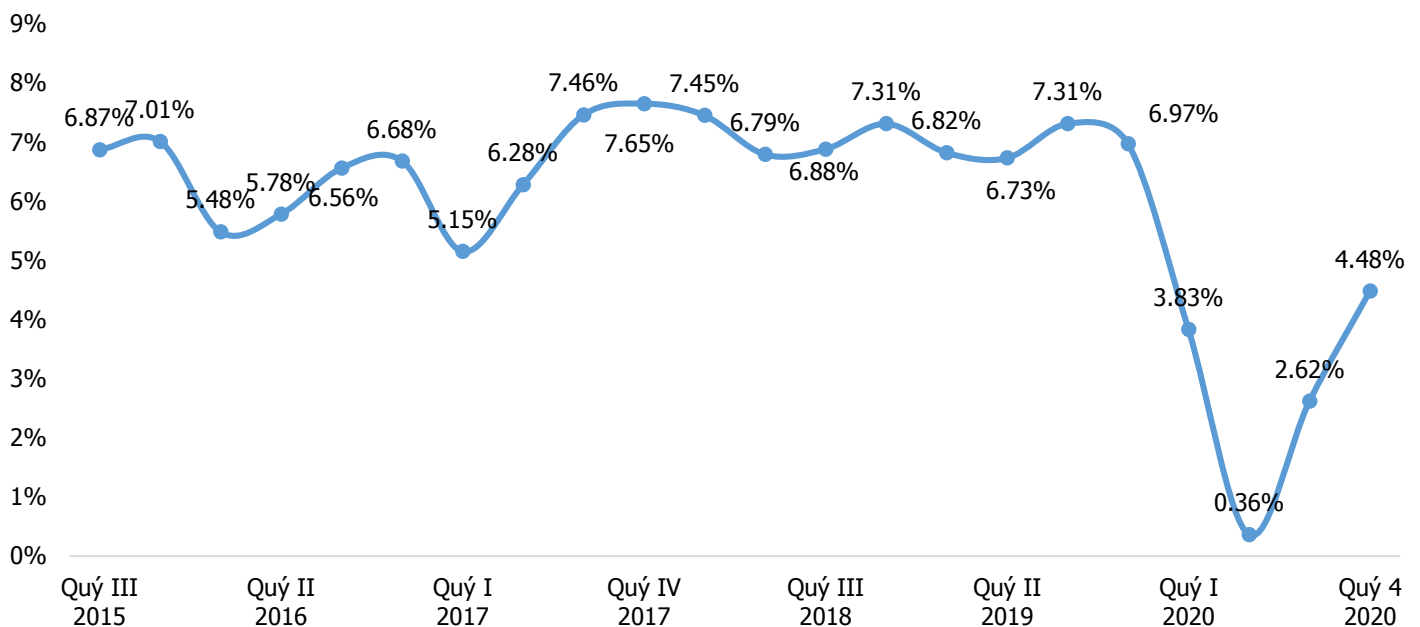


Tăng trưởng GDP & Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Tỷ USD)



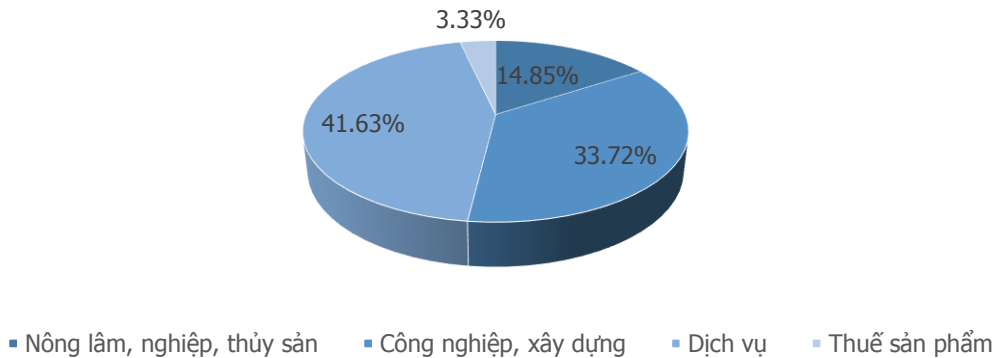
Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

% GDP hàng quý



Về cơ cấu nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,72%; khu vực dịch vụ chiếm 41,63%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,8% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 13,96%; 34,49%; 41,64%; 9,91%). Về sử dụng GDP năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,06% so với năm 2019; tích lũy tài sản tăng 4,12%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,97%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,33%.

Cơ cấu tỷ trọng GDP năm 2020



Chất lượng tăng trưởng kinh tế:

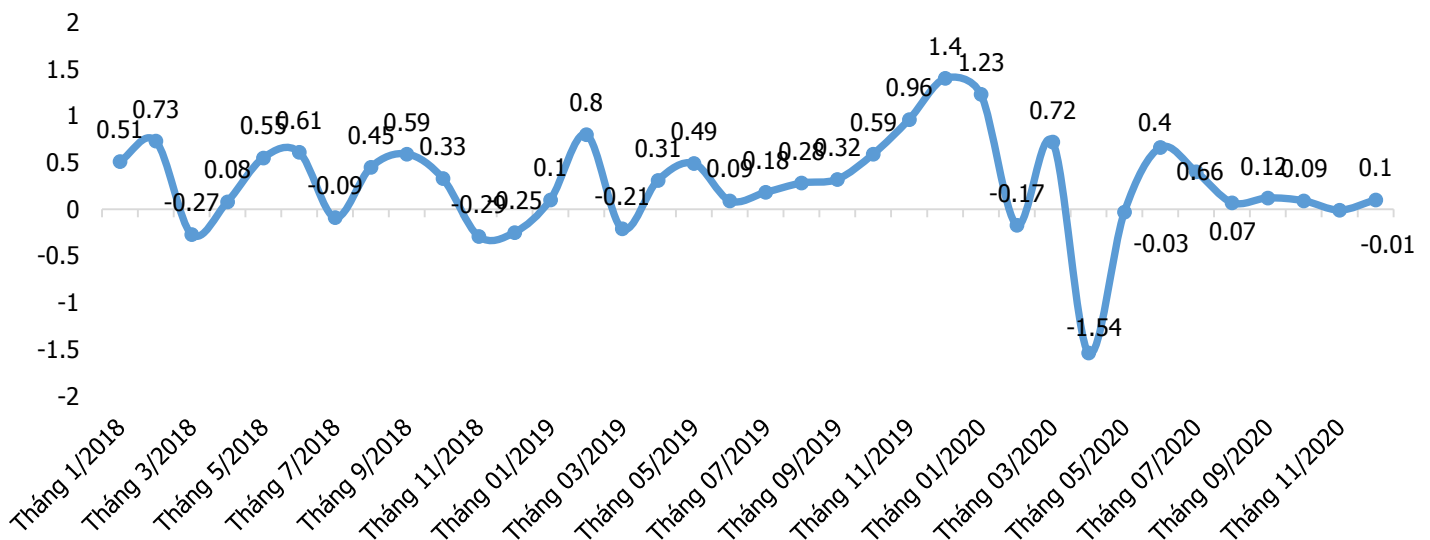
Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019[9]); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động ngày càng được nâng cao (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019).

Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017; 5,98 năm 2018 và 6,08 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2019, hệ số ICOR đạt 6,13, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế bị đình trệ, các dự án công trình hoàn thành đưa vào sử dụng chưa phát huy được năng lực nên ICOR năm 2020 đạt 14,28; bình quân giai đoạn 2016-2020 hệ số ICOR đạt 7,04.

2. Lạm phát, CPI.

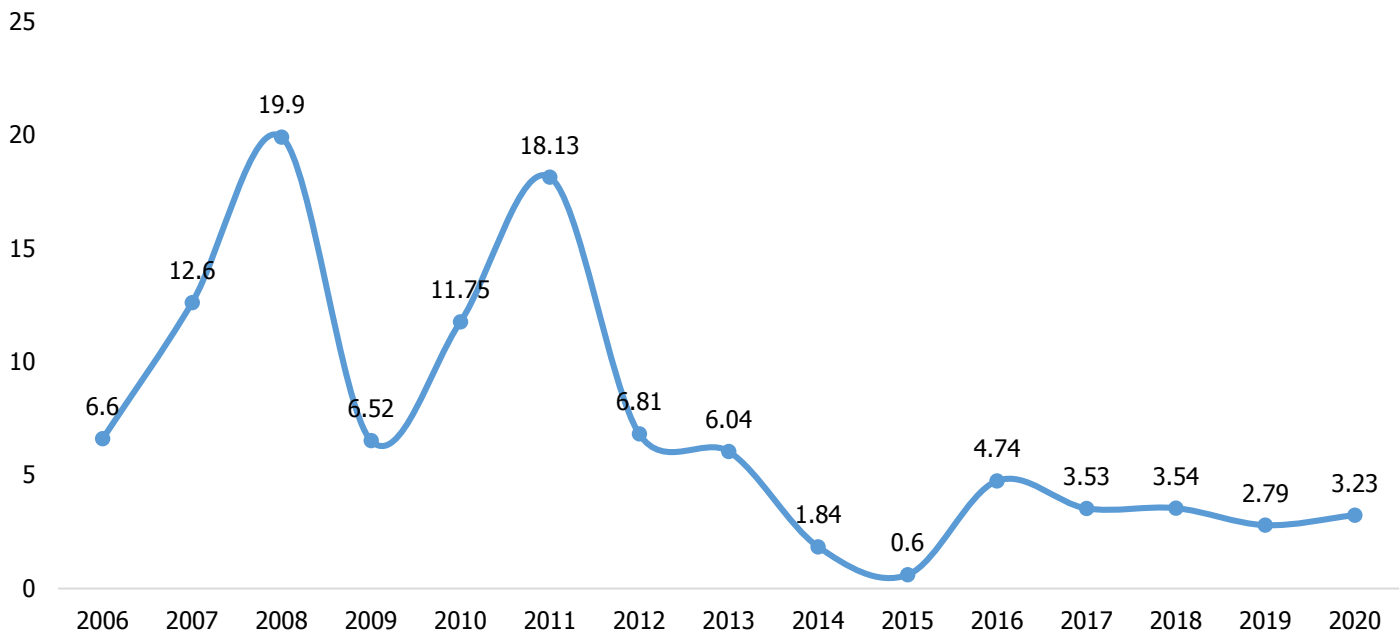
Giá xăng dầu, giá gas trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới; giá gạo tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng vào dịp cuối năm tăng là những yếu tố làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,23% so với năm 2019. Tính chung quý IV/2020, CPI tăng 0,22% so với quý trước và tăng 1,38% so với quý IV/2019.

Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)





% CPI theo Năm



Lạm phát cơ bản tháng 12/2020 tăng 0,07% so với tháng trước và tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 12/2020 giảm 0,83% so với tháng trước; tăng 30,95% so với cùng kỳ năm 2019; bình quân năm 2020 tăng 28,05% so với năm 2019. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2020 giảm 0,23% so với tháng trước và giảm 0,09% so với cùng kỳ năm 2019; bình quân năm 2020 giảm 0,02% so với năm 2019.

3. Tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, bảo hiểm và chứng khoán.

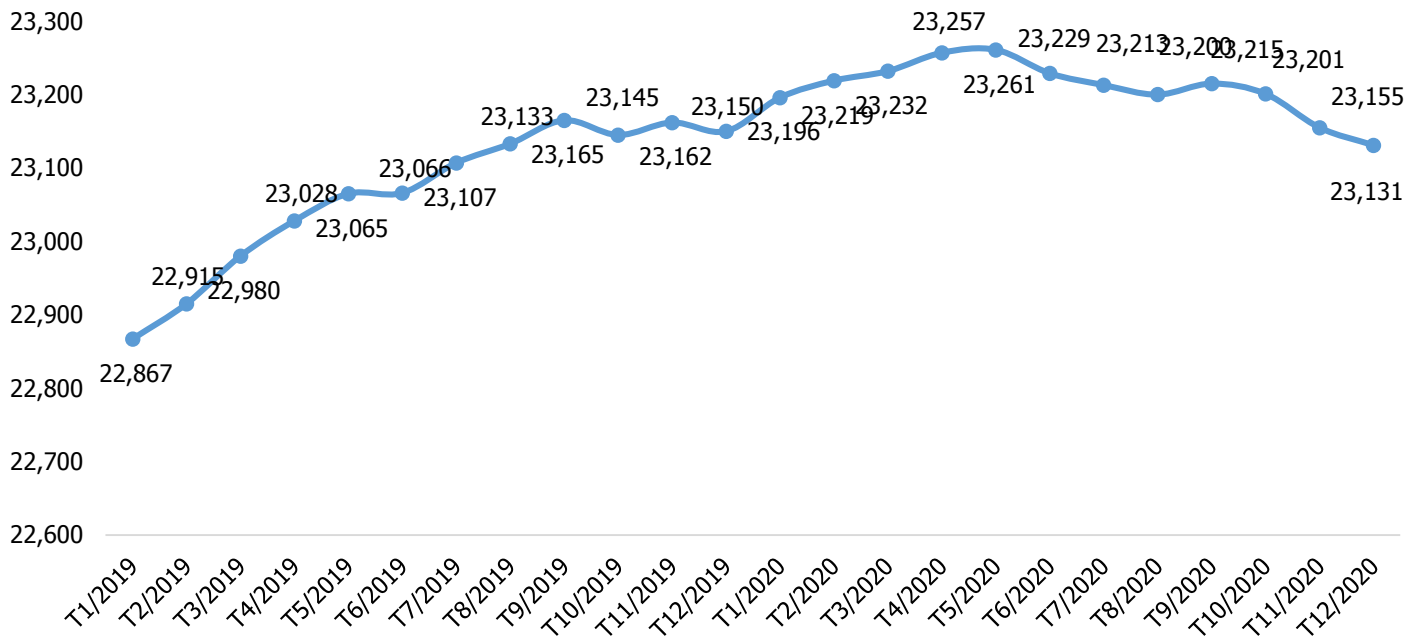
Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển ổn định và an toàn trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp; huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán tăng khoảng 20% so với năm trước.

Tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh trong năm 2020 do chịu sự tác động nhiều chiều, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND khá ổn định. Điểm nhấn của năm 2020 nằm ở tỷ giá trung tâm do NHNN công bố, với mức tăng khoảng 0,3% so với cuối năm 2019. Hướng tăng này được cho là sự chủ động của nhà điều hành để đưa tỷ giá trung tâm trở nên cân bằng hơn so với các mức tỷ giá giao dịch trên các thị trường.

Ngoài ra, việc NHNN tích cực mua vào USD để tăng dự trữ ngoại hối trong vòng gần một năm qua cũng đã phần nào chặn đà giảm của tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng và giúp đồng VND giảm giá tương đối so với các đồng tiền khác trong rổ 6 đồng tiền tham chiếu, đặc biệt là với các đồng tiền như CNY, EUR, JPY...

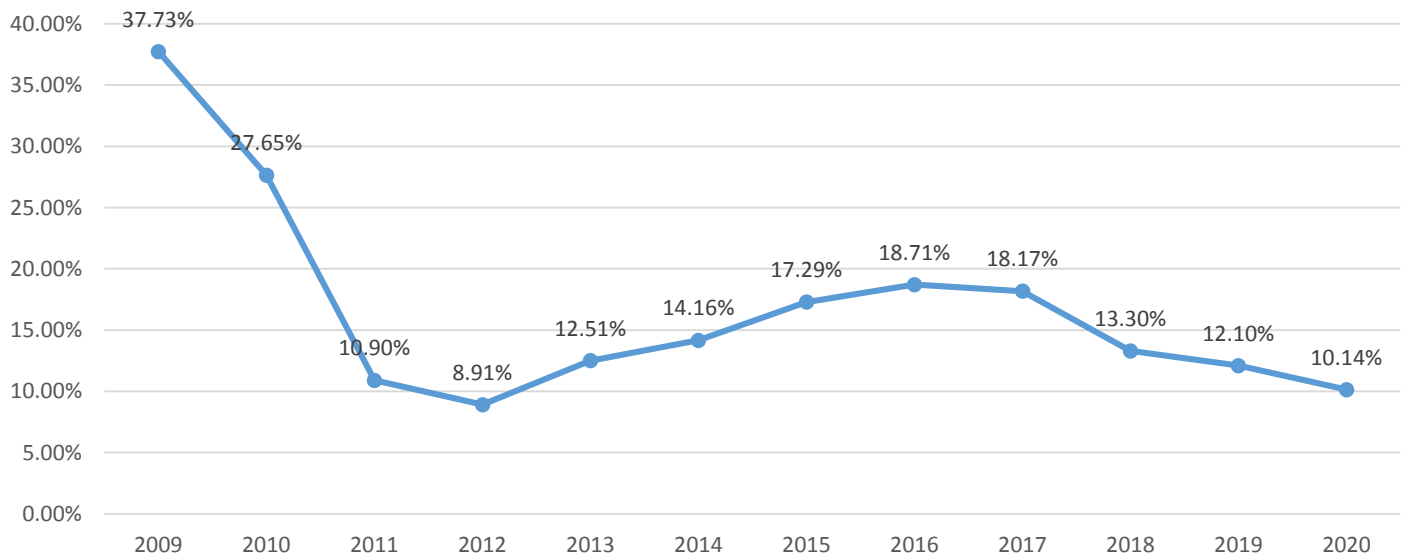


Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND



Tính đến thời điểm 21/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

% Tăng trưởng tín dụng



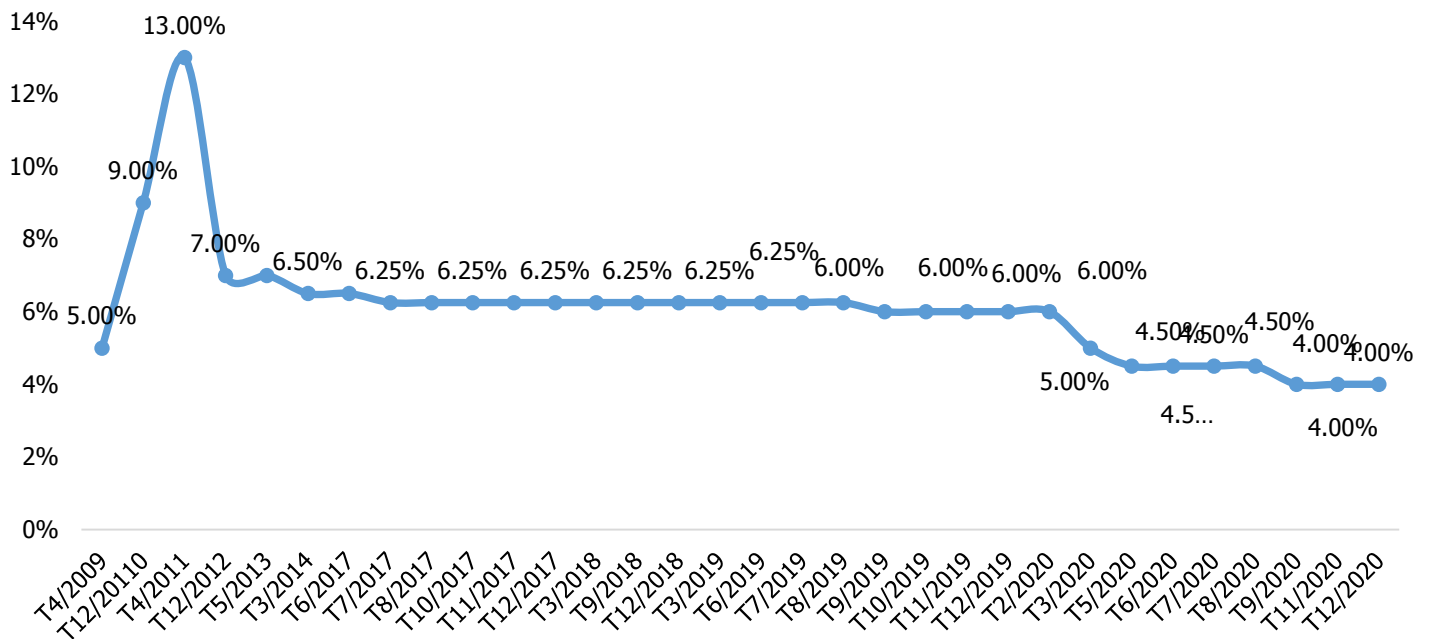
Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý IV/2020 ước tính tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính cả năm 2020 doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm tăng 17% so với năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 21%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 7%.

Tính chung từ đầu năm 2020 đến nay, NHNN đã 3 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với tổng mức giảm tới 1,5-2,0%/năm lãi suất điều hành (là một trong các ngân hàng trung ương có mức cắt giảm



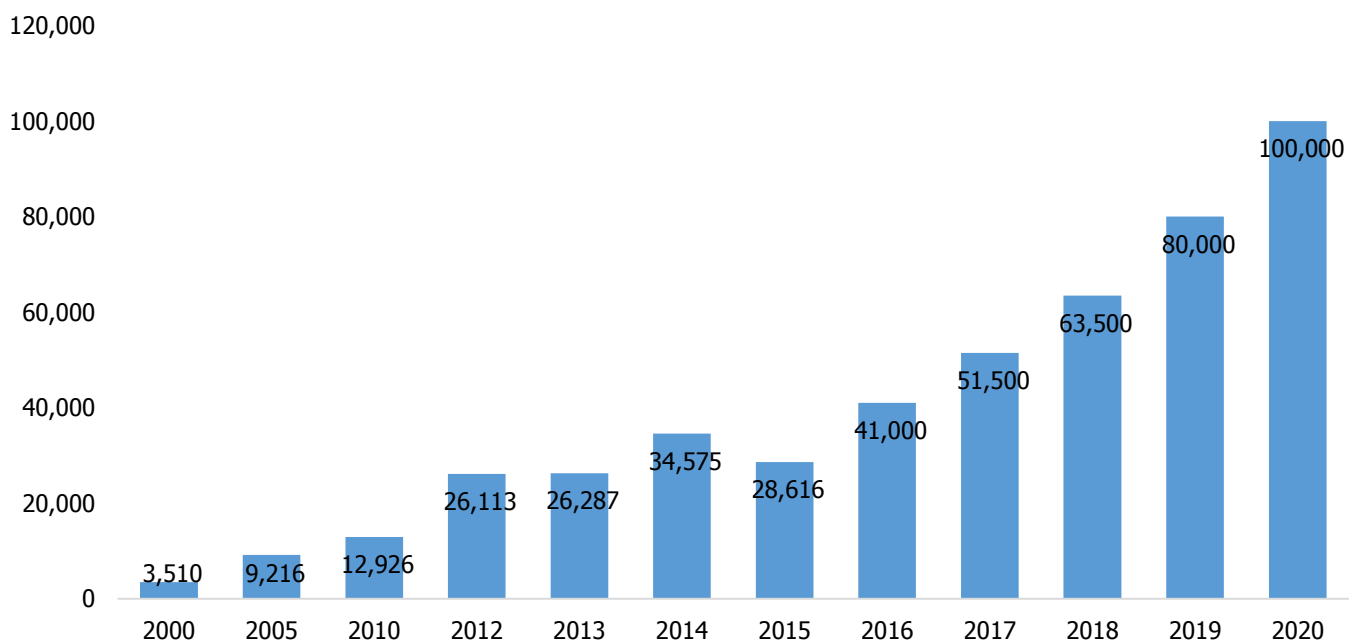
lãi suất điều hành lớn nhất trong khu vực); giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên.

Lãi Suất Tái Cấp Vốn



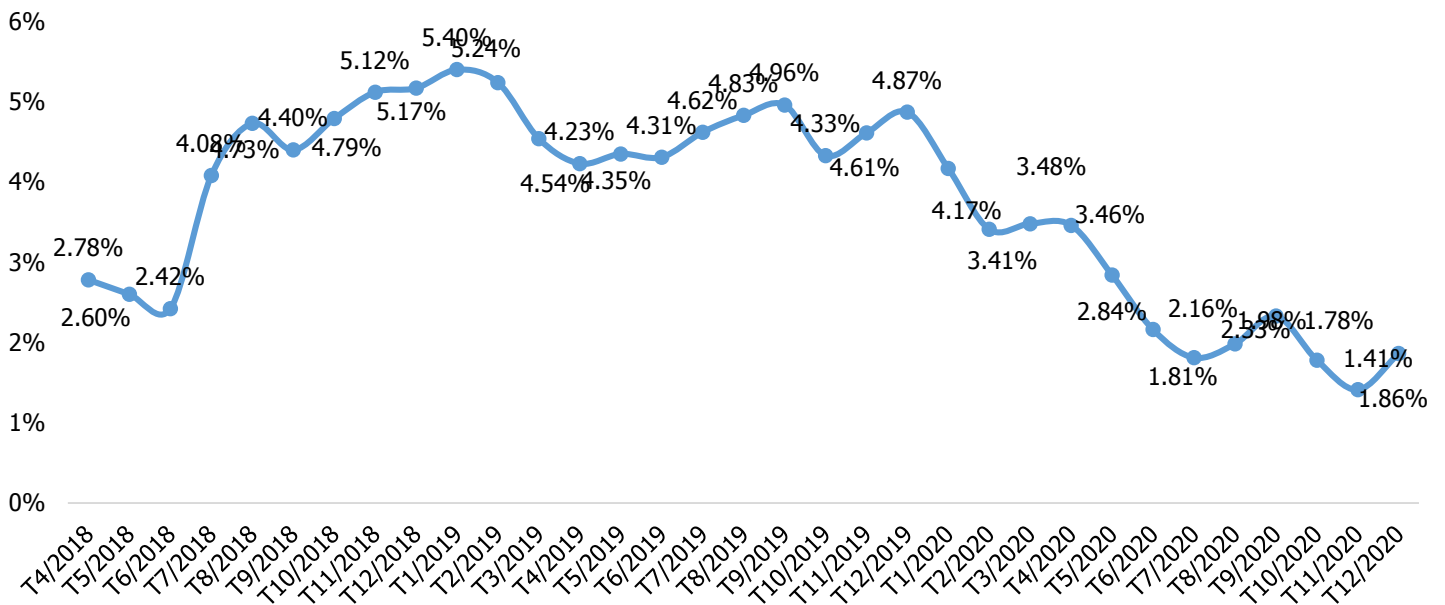
Năm 2020 Việt Nam đã mua lượng lớn ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối, nhưng NHNN đã điều tiết tốt lượng tiền trong lưu thông, không gây tác động lên lạm phát. Việc điều hành chính sách tiền tệ được thực hiện rất nhất quán và giữ được nền tảng ổn định cho nền kinh tế.

Dự Trữ Ngoại Hối (Triệu USD)





Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Kết thúc năm 2020, VN-Index tăng 142,88 điểm tương ứng 14,87% so với cuối năm 2019. HNX tăng 98,1%. Tương tự, UPCoM-Index tăng 31,6%. Tại phiên giao dịch cuối cùng của tháng 12, vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt gần 5,3 triệu tỷ đồng (228 tỷ USD), tăng 523.594 tỷ đồng (11%) so với cuối tháng 11 và 910.187 tỷ đồng (20,8%) so với cuối năm 2019.

Theo thống kê, chỉ tính riêng 4 tháng cuối năm, thanh khoản qua kênh khớp lệnh trên HoSE đã đạt hơn 630.000 tỷ đồng, xấp xỉ giá trị của cả năm 2019. Nhà đầu tư bắt đầu quen với việc giá trị giao dịch khớp lệnh thường xuyên duy trì trên/dưới 14.000 tỷ đồng/phiên, điều chưa từng xảy ra kể cả trong thời kỳ VN-Index lên đỉnh lịch sử vào đầu năm 2018.

4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

Sản xuất nông, lâm, nghiệp và thủy sản năm 2020 gặp nhiều khó khăn do tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu và tiêu thụ nông sản.

Nông nghiệp:

Diện tích lúa năm 2020 ước tính đạt 7,28 triệu ha, giảm 192 nghìn ha so với năm trước; năng suất lúa ước tính đạt 58,7 tạ/ha, tăng 0,5 tạ/ha; sản lượng lúa ước tính đạt 42,69 triệu tấn, giảm 806,6 nghìn tấn.

Kết quả sản xuất hoa màu và một số cây hằng năm: Sản lượng ngô đạt 4,59 triệu tấn, giảm 140,3 nghìn tấn so với năm 2019; khoai lang đạt 1,37 triệu tấn, giảm 57,5 nghìn tấn; mía đạt 11,88 triệu tấn, giảm 3,44 triệu tấn; sắn đạt 10,49 triệu tấn, tăng 313 nghìn tấn; lạc đạt 425,5 nghìn tấn, giảm 17,1 nghìn tấn; đậu tương đạt 65,7 nghìn tấn, giảm 11,6 nghìn tấn; rau các loại đạt 18,33 triệu tấn, tăng 339,1 nghìn tấn.

Tổng số gia cầm tăng 6%; tổng số lợn tăng 17%. Sản lượng thịt hơi các loại năm nay đạt khá, trong đó sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 95,8 nghìn tấn, tăng 1,4% so với năm trước (quý IV đạt 26,8 nghìn tấn, tăng 0,4%); sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 371,5 nghìn tấn, tăng 4,6% (quý IV đạt 98,9 nghìn tấn, tăng 1,5%); sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 3.474,9 nghìn tấn, tăng 4,4% (quý IV đạt 991,8 nghìn tấn, tăng 30%); sản lượng sữa bò tươi đạt 1.086,3 nghìn tấn, tăng 10,2% (quý IV đạt 287,1 nghìn tấn, tăng 10,9%); sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 1.453,7 nghìn tấn, tăng 11,6% (quý IV đạt



379 nghìn tấn, tăng 7,1%); sản lượng trứng gia cầm đạt 14,7 tỷ quả, tăng 10,5% (quý IV đạt 3,8 tỷ quả, tăng 7,2%)..

Lâm Nghiệp:

Năm 2020, diện tích rừng trồng tập trung mới của cả nước ước tính đạt 260,5 nghìn ha, giảm 3,2% so với năm trước (quý IV đạt 91 nghìn ha, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước); số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 94,6 triệu cây, giảm 1,6% (quý IV đạt 28,1 triệu cây, giảm 2,1%); sản lượng gỗ khai thác đạt 16,9 triệu m³, tăng 3,7% (quý IV đạt 4.800 nghìn m³, tăng 7,3%); sản lượng củi khai thác đạt 18,9 triệu ste, giảm 1% (quý IV đạt 4,5 triệu ste, giảm 4,3%). Diện tích rừng bị thiệt hại là 1.464,3 ha, giảm 45,6% so với năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 645,3 ha, giảm 67,8%; diện tích rừng bị chặt phá là 819 ha, tăng 19,4%.

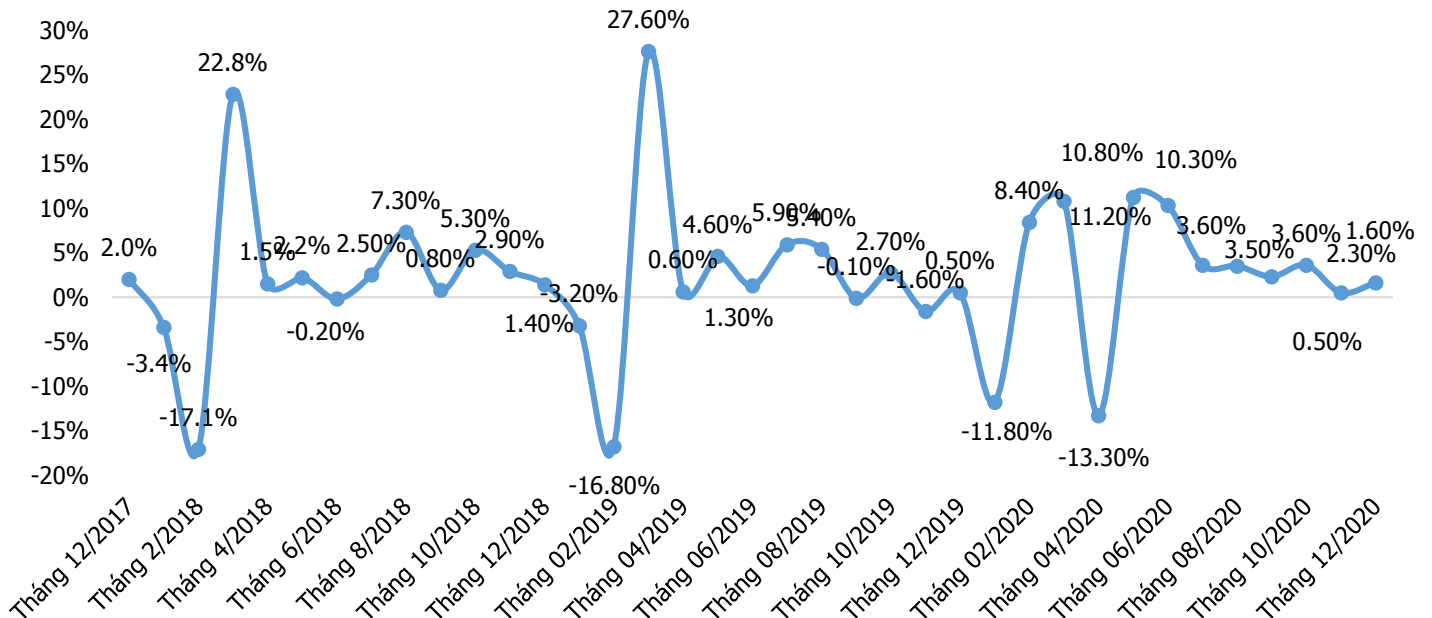
Thủy sản:

Sản lượng thủy sản quý IV/2020 ước tính đạt 2.286,6 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 8.423,1 nghìn tấn, tăng 1,8% so với năm trước, trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 4.559,2 nghìn tấn, tăng 1,5%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 3.863,9 nghìn tấn, tăng 2,3% (quý IV đạt 943,5 nghìn tấn, tăng 2,8%).

5. Sản xuất công nghiệp.

Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) được thực thi nên sản xuất công nghiệp trong quý IV/2020 có sự khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

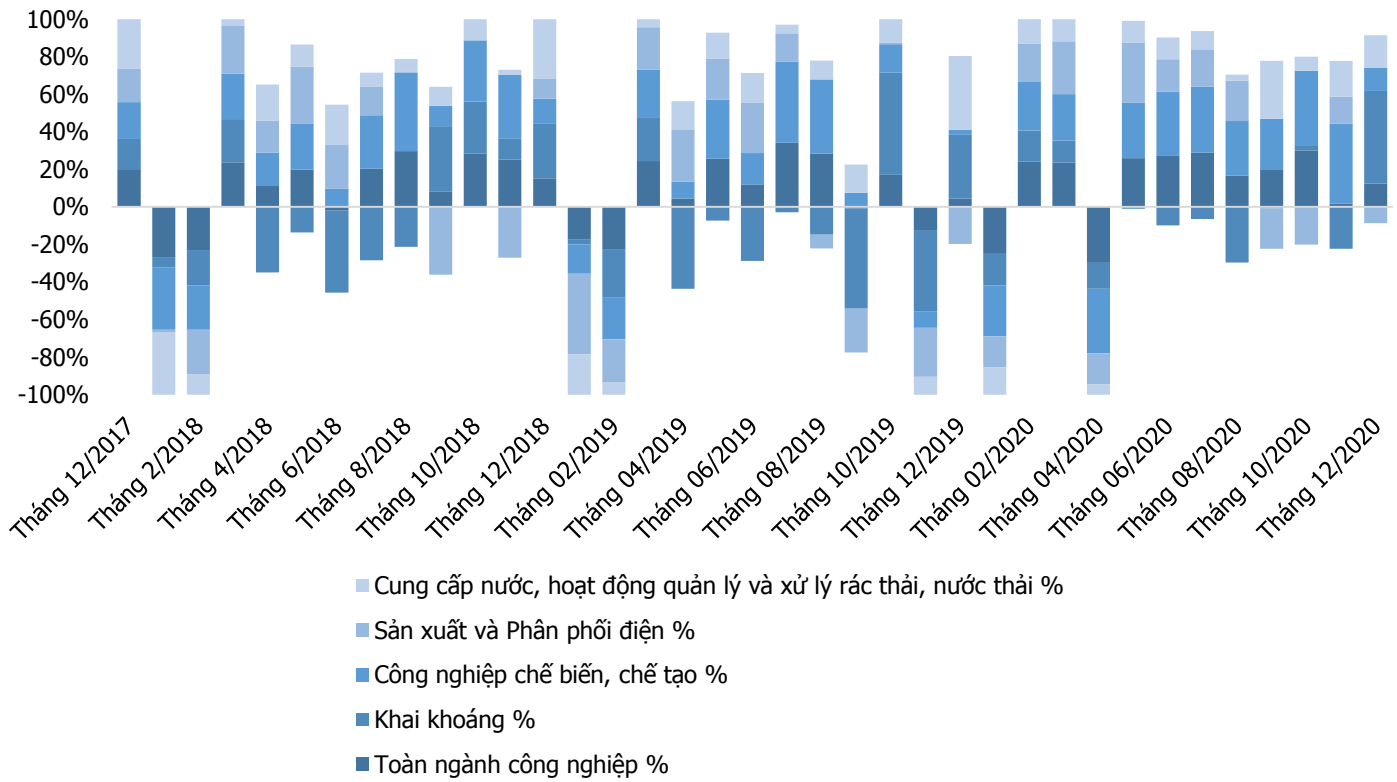
Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng



Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2020 ước tính tăng 3,36% so với năm trước (quý I tăng 5,1%; quý II tăng 1,1%; quý III tăng 2,34%; quý IV tăng 4,8%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82% (quý I tăng 7,12%; quý II tăng 3,38%; quý III tăng 3,86%; quý IV tăng 8,63%), đóng góp 1,25 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,92%, đóng góp 0,19 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác

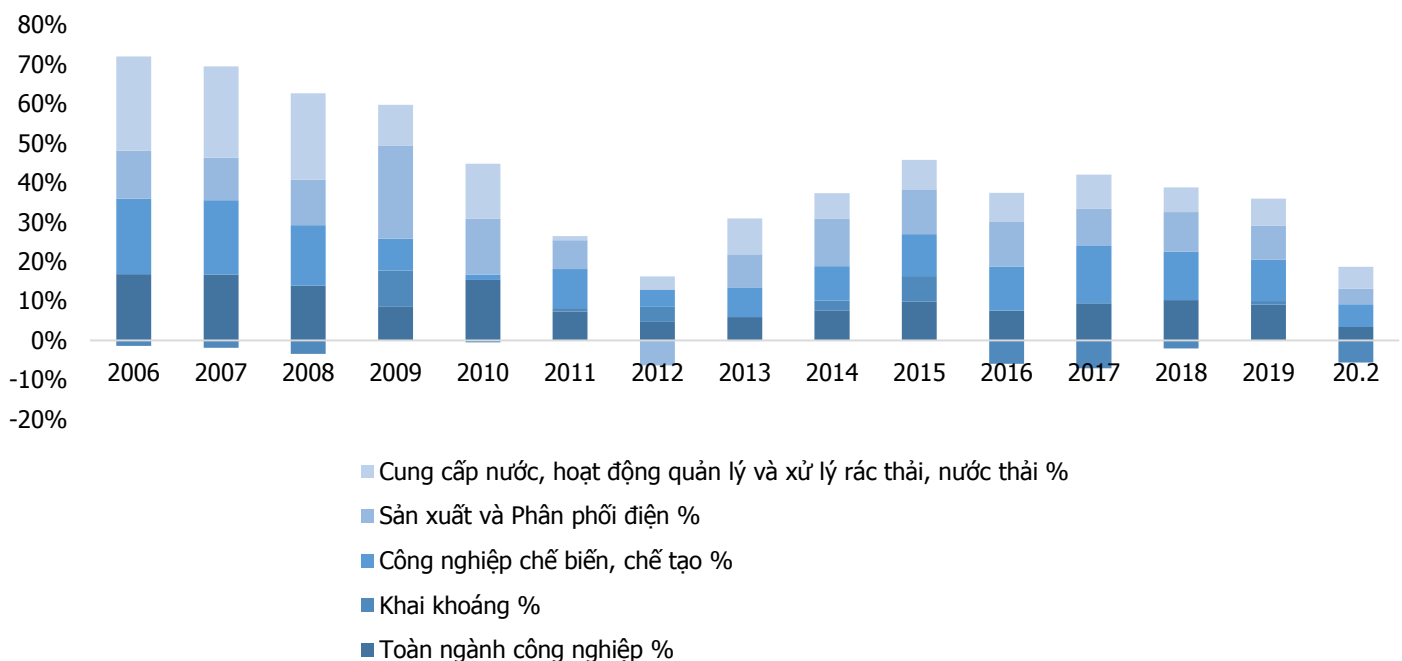
thải, nước thải tăng 5,51%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 5,62% (làm giảm 0,36 điểm phần trăm trong mức tăng chung....

Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp



Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2020 giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,3% so với năm trước..

Chỉ số công nghiệp theo năm

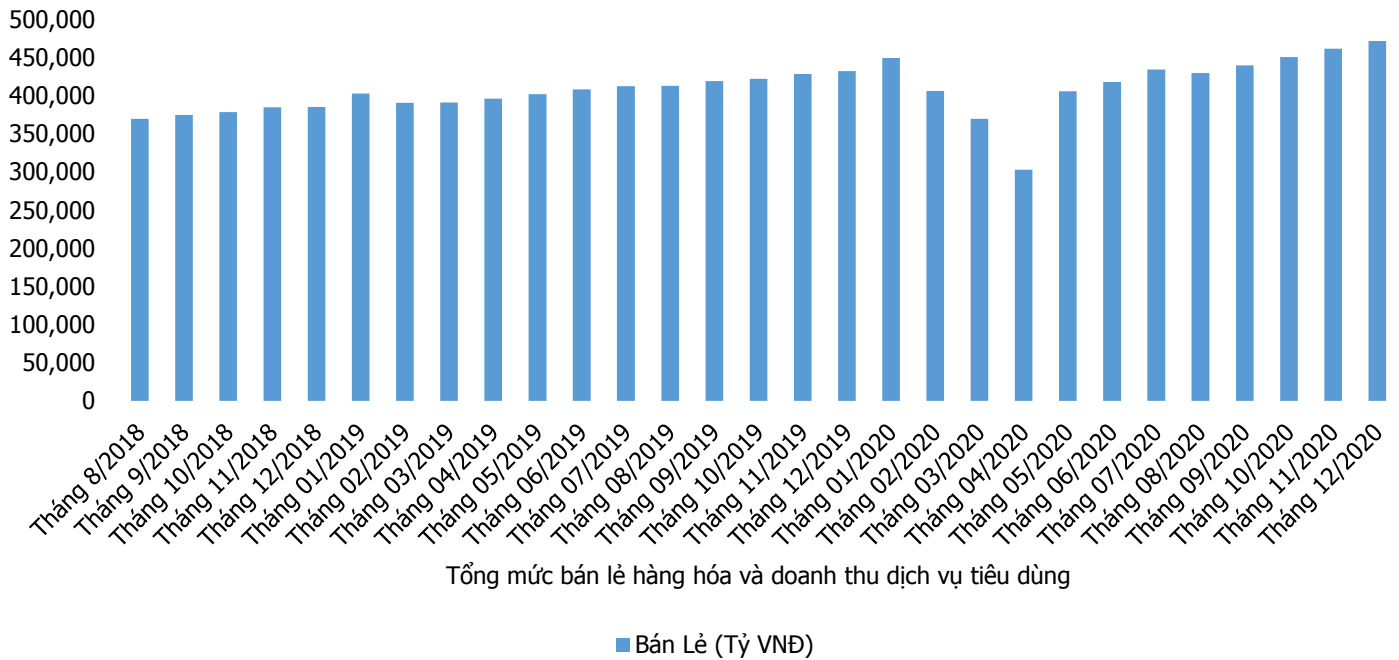




6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

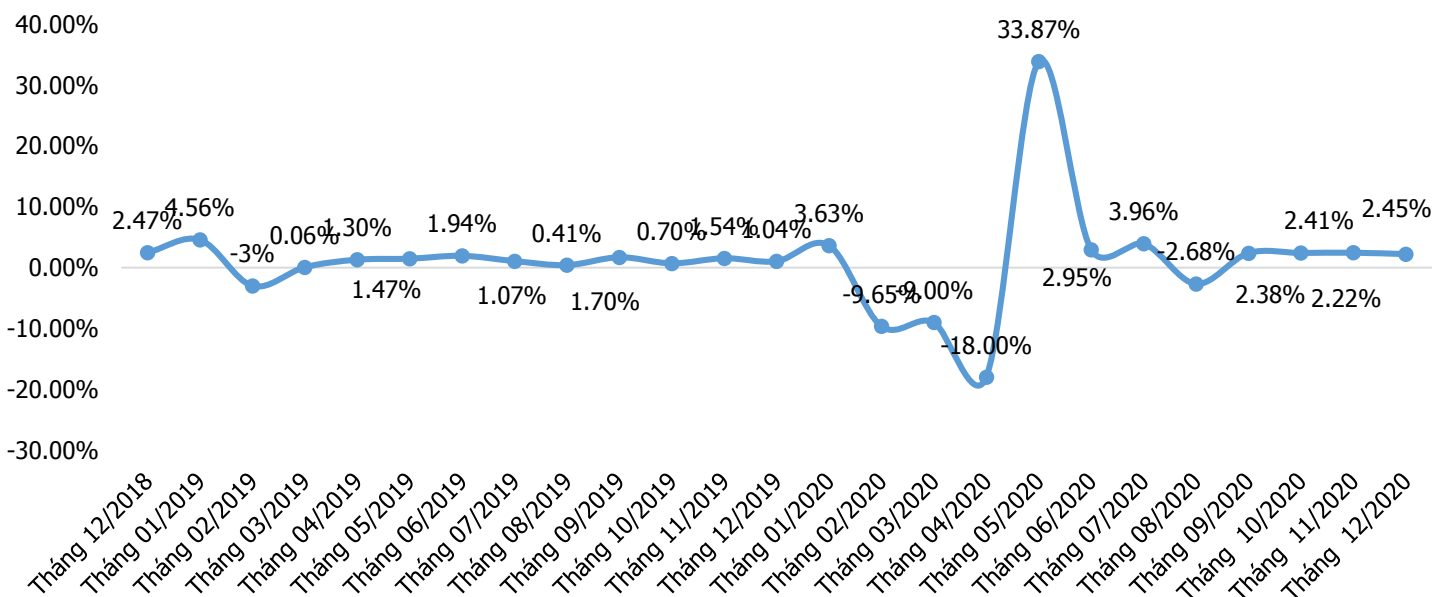
Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng được kiểm soát tốt trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm.

Doanh số bán lẻ hàng tháng



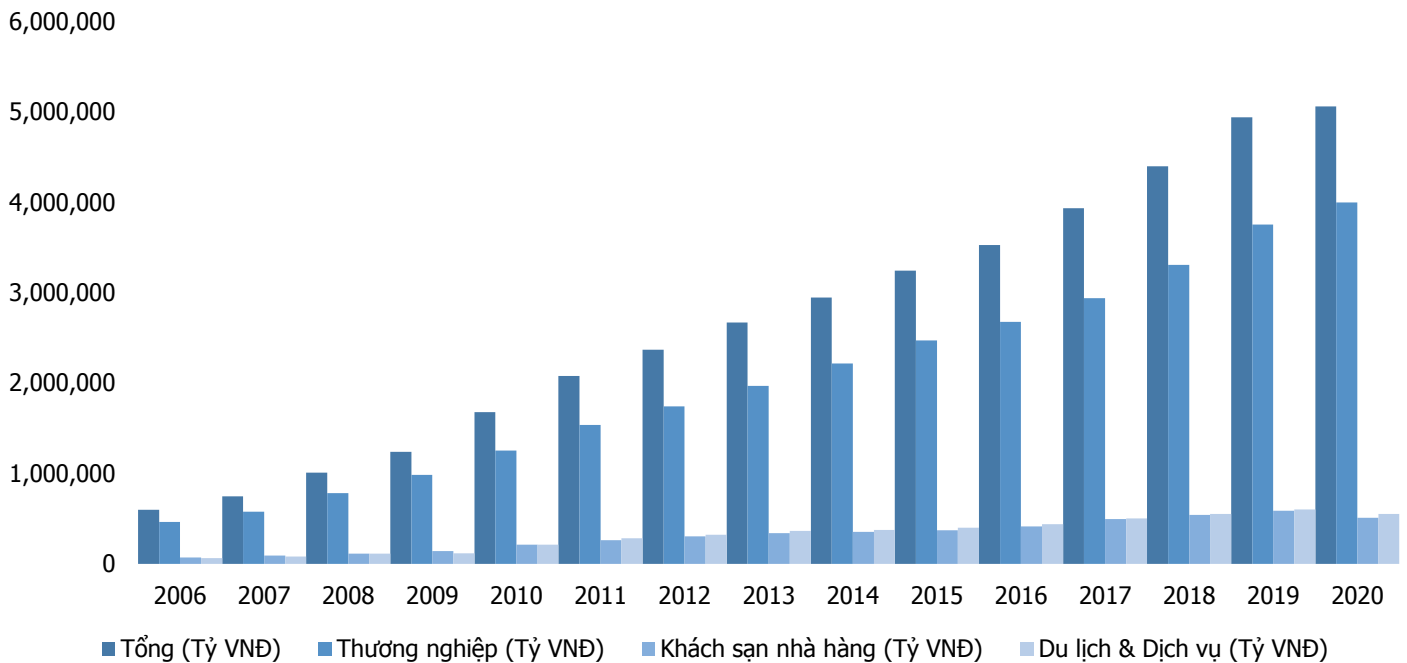
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2020 ước tính đạt 1.387,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,4% so với quý trước và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 5.059,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 1,2% (năm 2019 tăng 9,5%).

Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng





Bán lẻ Theo năm



7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

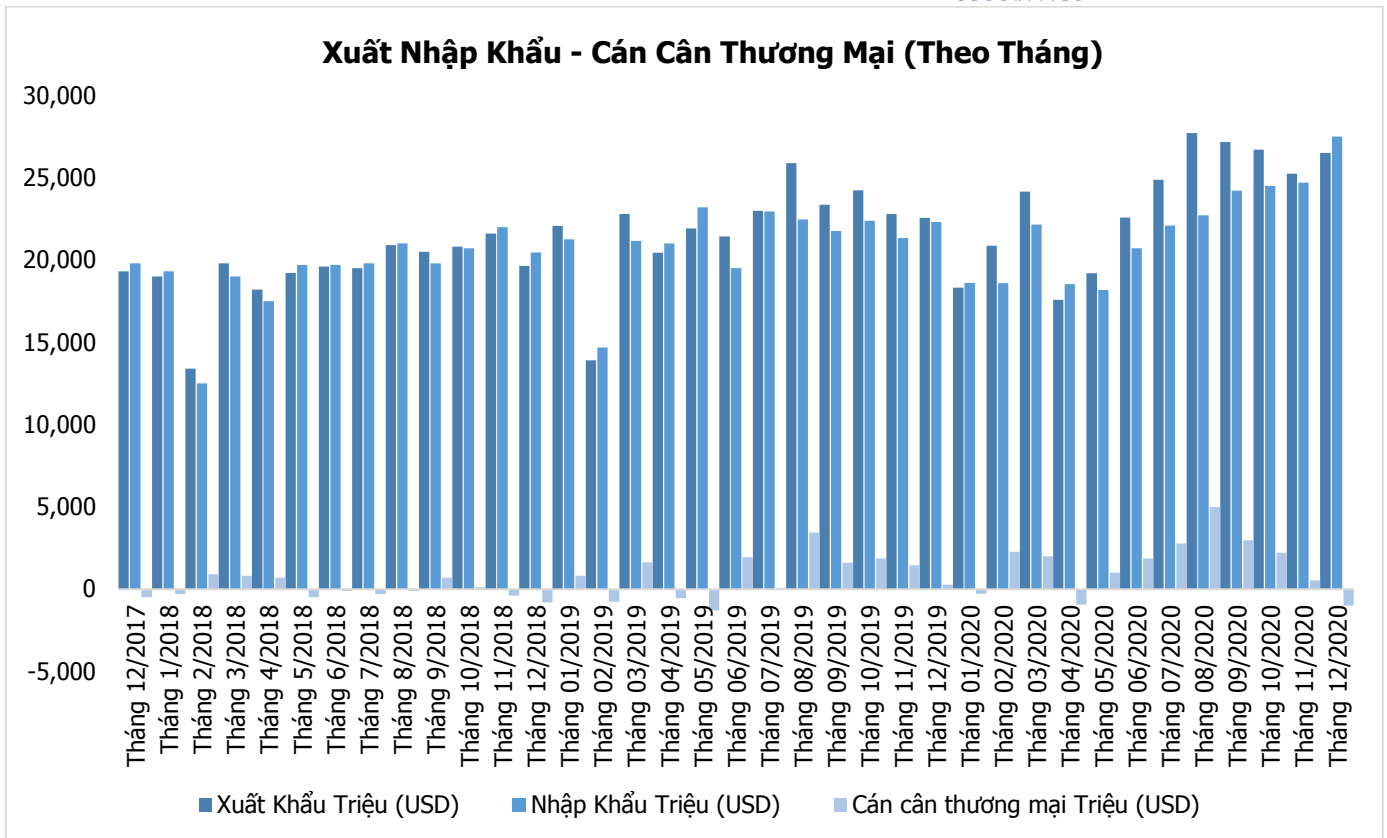
Năm 2020 ghi nhận nỗ lực mạnh mẽ của hoạt động xuất, nhập khẩu trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước tính xuất siêu 19,1 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm liên tiếp xuất siêu kể từ năm 2016.

Xuất khẩu hàng hóa:

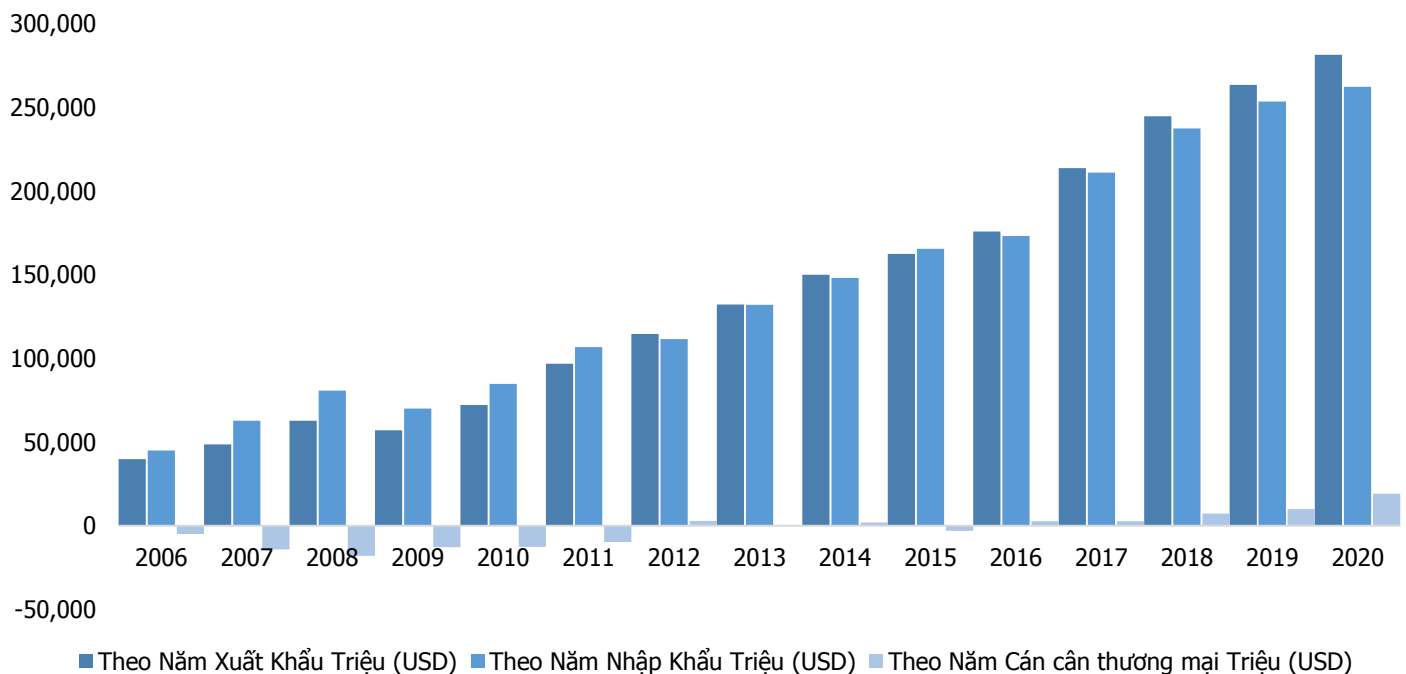
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thực hiện tháng 11/2020 đạt 25.238 triệu USD, cao hơn 438 triệu USD so với số ước tính. Ước tính tháng 12/2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 26,5 tỷ USD, tăng 5% so với tháng trước và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Kim ngạch xuất khẩu quý IV/2020 ước tính đạt 78,9 tỷ USD, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,1% so với quý III năm nay.

Tính chung cả năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78,2 tỷ USD, giảm 1,1%, chiếm 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 203,3 tỷ USD, tăng 9,7%, chiếm 72,2%. Trong năm 2020 có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 64,3%)...

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa năm 2020, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 76,4 tỷ USD, tăng 24,5% so với năm trước; tiếp đến là Trung Quốc đạt 48,5 tỷ USD, tăng 17,1%; thị trường EU đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,7%; thị trường ASEAN đạt 23,1 tỷ USD, giảm 8,7%; Nhật Bản đạt 19,2 tỷ USD, giảm 5,7%; Hàn Quốc đạt 18,7 tỷ USD, giảm 5,1%.



Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



Nhập khẩu hàng hóa:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa thực hiện tháng 11/2020 đạt 24.692 triệu USD, cao hơn 492 triệu USD so với số ước tính. Ước tính tháng 12/2020, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 27,5 tỷ USD, tăng 11,4% so với tháng trước và tăng 22,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2020, kim ngạch nhập khẩu đạt 76,4 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 10,7% so với quý III năm nay.



Tính chung năm 2020, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 262,4 tỷ USD, tăng 3,6% so với năm 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 93,6 tỷ USD, giảm 10%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 168,8 tỷ USD, tăng 13%. Trong năm 2020 có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 89,6% tổng kim ngạch nhập khẩu (4 mặt hàng đạt trên 10 tỷ USD, chiếm 49,4%)..

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa năm nay, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 83,9 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm trước; tiếp theo là Hàn Quốc đạt 46,3 tỷ USD, giảm 1,5%; thị trường ASEAN đạt 30 tỷ USD, giảm 6,9%; Nhật Bản đạt 20,5 tỷ USD, tăng 5%; thị trường EU đạt 14,5 tỷ USD, tăng 3,5%; Hoa Kỳ đạt 13,7 tỷ USD, giảm 4,9%..

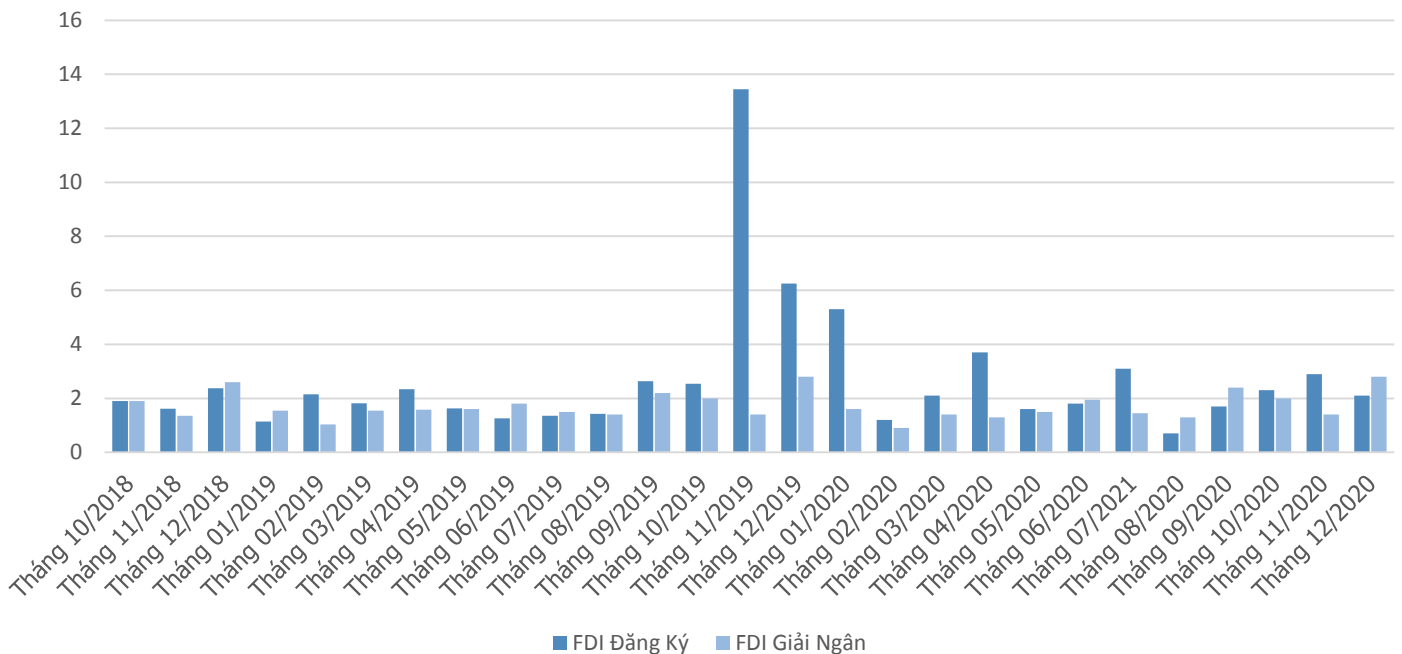
Cán cân thương mại:

Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Mười Một xuất siêu 546 triệu USD; 11 tháng xuất siêu 20,1 tỷ USD; tháng Mười Hai ước tính nhập siêu 1 tỷ USD. Ước tính năm 2020 xuất siêu 19,1 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,5 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 34,6 tỷ USD....

8. Đầu tư.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2020 đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP (quý IV/2020 đạt 719,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước). Trong đó vốn khu vực Nhà nước đạt 729 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,7% tổng vốn và tăng 14,5% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 972,2 nghìn tỷ đồng, bằng 44,9% và tăng 3,1%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 463,3 nghìn tỷ đồng, bằng 21,4% và giảm 1,3%...

FDI tháng

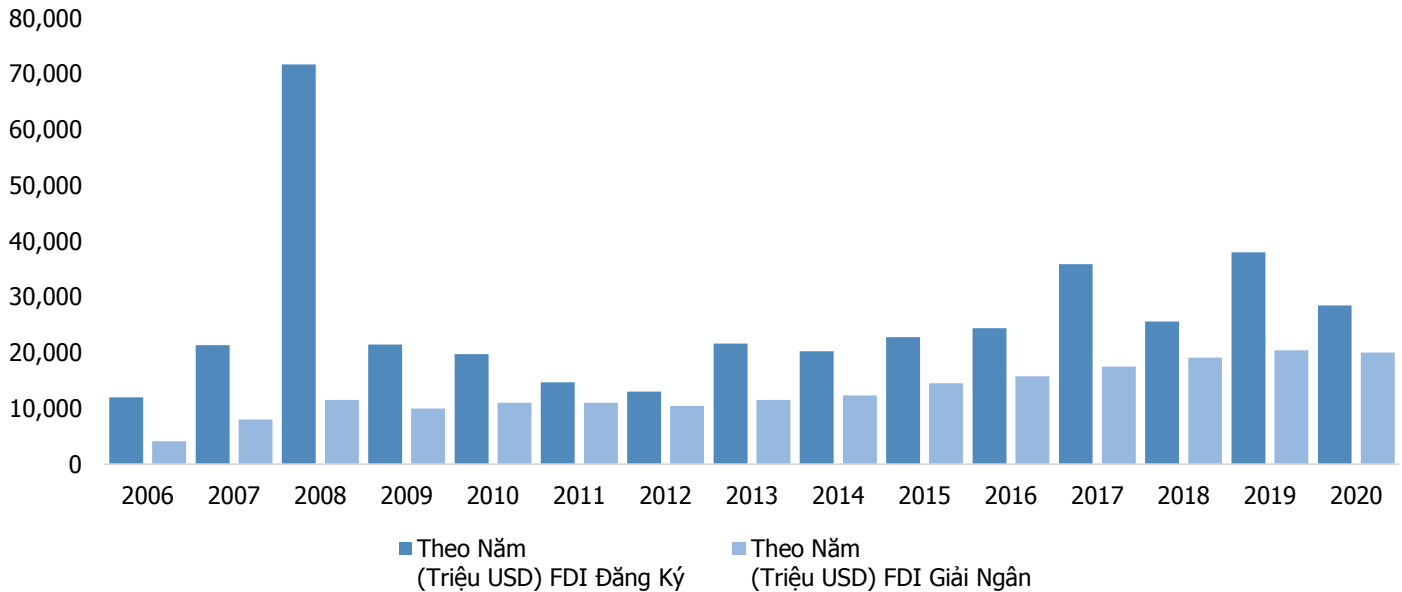


Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Trong đó có 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước; có 1.140 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 6,4 tỷ USD, tăng 10,6%; có 6.141



lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 7,5 tỷ USD, giảm 51,7%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước.

FDI hàng năm



Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong năm 2020 có 119 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới với tổng số vốn đăng ký của phía Việt Nam đạt 318 triệu USD; có 33 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm 272 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 590 triệu USD, tăng 16,1% so với năm 2019..

9. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Với sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020 có những kết quả đáng ghi nhận. Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập, giảm 2,3% so với năm trước nhưng có số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3%. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I/2021 với 81% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý IV/2020...

Trong tháng 12/2020, cả nước có gần 10,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 356,8 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký là 73 nghìn lao động, giảm 18,4% về số doanh nghiệp, tăng 25,3% về vốn đăng ký và giảm 39% về số lao động so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 33,4 tỷ đồng, tăng 53,4% so với tháng trước và tăng 144,6% so với cùng kỳ năm 2019.....

Tính chung năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là hơn 2.235,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.043 nghìn lao động, giảm 2,3% về số doanh nghiệp, tăng 29,2% về vốn đăng ký và giảm 16,9% về số lao động so với năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020 đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3% so với năm trước.



Năm 2020 có 101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước, bao gồm: 46,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 62,2%; gần 37,7 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 13,8%; gần 17,5 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 3,7%. Trung bình mỗi tháng có gần 8,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

10. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách quý IV năm nay ước tính đạt 913,3 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 31,2% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 43,4 tỷ lượt khách.km, giảm 31,5%. Tính chung năm 2020, vận tải hành khách đạt 3.561,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 29,6% so với năm trước (năm 2019 tăng 11%) và luân chuyển 163 tỷ lượt khách.km, giảm 34,1% (năm 2019 tăng 10,9%)..

Vận tải hàng hóa quý IV năm nay ước tính đạt 508,7 triệu tấn hàng hóa, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 95,8 tỷ tấn.km, giảm 3,7%. Tính chung cả năm 2020, vận tải hàng hóa đạt 1.774,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 5,2% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,7%) và luân chuyển 339,4 tỷ tấn.km, giảm 6,7% (năm 2019 tăng 7,8%).

11. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười Hai ước tính đạt 16,3 nghìn lượt người, giảm 8,1% so với tháng trước và giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2020, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3.837,3 nghìn lượt người, giảm 78,7% so với năm trước.



TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 12 THÁNG NĂM 2020.

Năm 2020, dù suy giảm mạnh về tăng trưởng và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, song Việt Nam nằm trong số hiếm hoi các nước vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương 2,91% (quý 1 tăng 3,68%; quý 2 tăng 0,39%; quý 3 tăng 2,69%; quý 4 tăng 4,48%); là mức tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Quy mô GDP tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2015 (theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế, năm 2020 Việt Nam có thể trở thành nền kinh tế đứng thứ 4 ASEAN); GDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt khoảng 2.750 USD.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát trong mục tiêu. CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% và cả giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 3,2%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 (7,65%). Lạm phát cơ bản giảm và duy trì ổn định, chỉ tăng 2,31% năm 2020 và bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 1,8%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011-2015 là 6,31%.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá tăng 3,6 lần, từ 157,1 tỉ USD năm 2010 lên 517 tỉ USD năm 2019, năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 đạt khoảng 527 tỉ USD, tương đương trên 190% GDP. Xuất khẩu tăng nhanh, từ 72,2 tỉ USD năm 2010 lên khoảng 267 tỉ USD năm 2020, tăng bình quân khoảng 14%/năm, vì thế, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư ở mức kỷ lục 19,1 tỷ USD....

Tỷ giá cơ bản ổn định, lãi suất giảm. Nhờ sự điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động của NHNN, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, sẵn sàng can thiệp để bình ổn thị trường, tỷ giá giao dịch duy trì xu hướng ổn định, giảm nhẹ 0,21% so với đầu năm, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô.

Hội nhập quốc tế và đối ngoại đạt được nhiều kết quả quan trọng. Quá trình hội nhập tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trong năm 2020 với việc Việt Nam đẩy mạnh triển khai Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ tháng 1/2019), Hiệp định EVFTA (hiệu lực từ 1/8/2020), Hiệp định RCEP đã được ký kết ngày 15/11, dự kiến sẽ có hiệu lực trong vòng 18 tháng và mới nhất là Hiệp định UKVFTA có hiệu lực từ đầu năm 2021.

Thị trường chứng khoán phục hồi nhanh từ đáy cuối tháng 3/2020. Đến hết ngày 31/12, VNIndex đạt 1.103,87 điểm, tăng 70% kể từ đáy tháng 3 và tăng 14,86% so với đầu năm (tương đương với mức tăng của các thị trường trong khu vực). Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 5,1 triệu tỷ đồng (tương đương 80% GDP), tăng 14% so với năm 2019. Đặc biệt, thanh khoản thị trường bùng nổ, đạt mức bình quân trên 14.000 tỉ đồng/phiên trên sàn chứng khoán TP.HCM....

Cu thể với những điểm nhấn đáng chú ý trong 12 tháng đầu năm 2020:

GDP: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2020 ước tính tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của quý IV các năm trong giai đoạn 2011-2020. GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020.

CPI, lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2020 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,19% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,23% so với năm 2019. Tính chung quý IV/2020, CPI tăng 0,22% so với quý trước và tăng 1,38% so với quý IV/2019.

Tín dụng, lãi suất: Tính đến thời điểm 21/12/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,56% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,1%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,87% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,48%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,14% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 12,14%).

Thị trường chứng khoán: Kết thúc năm 2020, VN-Index tăng 142,88 điểm tương ứng 14,87% so với cuối năm 2019. HNX tăng 98,1%. Tương tự, UPCoM-Index tăng 31,6%. Tại phiên giao dịch cuối cùng của tháng 12, vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt gần 5,3 triệu tỷ đồng (228 tỷ USD), tăng 523.594 tỷ đồng (11%) so với cuối tháng 11 và 910.187 tỷ đồng (20,8%) so với cuối năm 2019.



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): Dịch Covid-19 được kiểm soát tốt ở trong nước, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và EU (EVFTA) được thực thi nên sản xuất công nghiệp trong quý IV/2020 có sự khởi sắc với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2020, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế.

Cán cân thương mại: Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Mười Một xuất siêu 546 triệu USD; 11 tháng xuất siêu 20,1 tỷ USD; tháng Mười Hai ước tính nhập siêu 1 tỷ USD. Ước tính năm 2020 xuất siêu 19,1 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,5 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 34,6 tỷ USD....

Vốn đầu tư: Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2020 đạt 2.164,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm trước và bằng 34,4% GDP (quý IV/2020 đạt 719,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước).

Vốn FDI: Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam:

Đăng ký doanh nghiệp: Với sự quyết tâm, nỗ lực của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trước ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020 có những kết quả đáng ghi nhận. Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập, giảm 2,3% so với năm trước nhưng có số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 16,6 tỷ đồng, tăng 32,3%.

Tổng mức bán lẻ & du lịch: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý IV/2020 ước tính đạt 1.387,6 nghìn tỷ đồng, tăng 6,4% so với quý trước và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 5.059,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 1,2% (năm 2019 tăng 9,5%).

Vận tải hành khách và hàng hóa: Tính chung năm 2020, vận tải hành khách đạt 3.561,9 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 29,6% so với năm trước (năm 2019 tăng 11%) và luân chuyển 163 tỷ lượt khách.km, giảm 34,1% (năm 2019 tăng 10,9%). Tính chung cả năm 2020, vận tải hàng hóa đạt 1.774,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 5,2% so với năm trước (năm 2019 tăng 9,7%) và luân chuyển 339,4 tỷ tấn.km, giảm 6,7% (năm 2019 tăng 7,8%).

Khách quốc tế: Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Mười Hai ước tính đạt 16,3 nghìn lượt người, giảm 8,1% so với tháng trước và giảm 99% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung năm 2020, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3.837,3 nghìn lượt người, giảm 78,7% so với năm trước.



LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và
Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vncsi.com.vn

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế
Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: thanhlv@vncsi.com.vn

**Bộ phận Phân tích Ngành và
Doanh nghiệp**

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>